

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt mức thu học phí năm học 2024 - 2025  
của Trường Đại học Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 4889/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang nhiệm kỳ 2019 - 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐT ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang; Nghị quyết số 88/NQ-HĐT ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang;

Xét Tờ trình số 48/TTr-ĐHKG ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc phê duyệt mức thu học phí năm học 2024 - 2025;

Xét ý kiến của Ban Tài chính và Cơ sở vật chất tại Báo cáo số 31/TĐ-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Ban Tài chính và Cơ sở vật chất về việc thẩm định tờ trình phê duyệt mức thu học phí năm học 2024 - 2025 của Trường Đại học Kiên Giang;

Theo ý kiến thống nhất của thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang tại kỳ họp lần thứ 24, nhiệm kỳ 2019 - 2024 ngày 29 tháng 6 năm 2024.



**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất phê duyệt mức thu học phí năm học 2024 - 2025 của Trường Đại học Kiên Giang (có phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiên Giang căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quyết nghị này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD và ĐT;
- Đảng ủy Trường;
- BGH;
- Thành viên HĐT;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT, VPT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**



**TS. Nguyễn Tuấn Khanh**



**PHỤ LỤC**  
**QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 11 tháng 7 năm 2024  
của Hội đồng Trường Trường Đại học Kiên Giang)

**1. Đối với bậc đại học chính quy**

**1.1. Mức học phí khối kiến thức đại cương chung**

STT	Học phần	Mức học phí (đồng/1 tín chỉ)	Ghi chú
1	Các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh	420.000	
2	Các học phần Giáo dục thể chất	420.000	
3	Các học phần thuộc khối đại cương chung	420.000	

**1.2. Mức học phí khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành**

STT	Khối ngành/Ngành	Mức học phí (đồng/1 tín chỉ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khối I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b>		
1	Sư phạm Toán	420.000	
2	Giáo dục Tiểu học	420.000	
3	Giáo dục Mầm non	420.000	
<b>II</b>	<b>Khối III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật</b>		
1	Kế toán	420.000	
2	Luật	420.000	
3	Quản trị kinh doanh	420.000	
4	Tài chính ngân hàng	420.000	
5	Kinh doanh quốc tế	420.000	
6	Thương mại điện tử	420.000	
<b>III</b>	<b>Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên</b>		
1	Công nghệ sinh học	480.000	
<b>IV</b>	<b>Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y</b>		
1	Nuôi trồng thủy sản	500.000	
2	Khoa học cây trồng	500.000	
3	Công nghệ kỹ thuật môi trường	500.000	
4	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	500.000	
5	Công nghệ thực phẩm	500.000	
6	Công nghệ thông tin	500.000	
7	Chăn nuôi	500.000	
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	500.000	
9	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	500.000	
10	Kinh doanh nông nghiệp	500.000	

STT	Khối ngành/Ngành	Mức học phí (đồng/1 tín chỉ)	Ghi chú
V	<b>Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường</b>		
1	Ngôn ngữ Anh	460.000	
2	Quản lý Tài nguyên môi trường	460.000	
3	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	460.000	
4	Du lịch	460.000	
5	Truyền thông đa phương tiện	460.000	

**Ghi chú:**

- Áp dụng trong trường hợp học lại và trường hợp đào tạo bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học.

- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Nhà trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.

**2. Đối với đào tạo đại học theo hình thức liên thông, vừa làm vừa học**

- Trường hợp đào tạo tại Trường Đại học Kiên Giang

Mức thu học phí = Mức thu học phí bậc đại học chính quy  $\times$  1,2.

- Đối với trường hợp đào tạo ngoài Trường Đại học Kiên Giang

Mức thu học phí = Mức thu học phí bậc đại học chính quy  $\times$  1,4.

**3. Đối với dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận:**

Mức thu học phí theo sự thỏa thuận chi phí giữa Nhà trường và người học.

**4. Chính sách hỗ trợ học phí cho sinh viên**

Nhằm khuyến khích sinh viên học các ngành gắn với đặc thù của địa phương, Nhà trường áp dụng chính sách thu hút người học theo Nghị quyết số 77/NQ-HDT ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành chính sách thu hút người học tại Trường Đại học Kiên Giang, cụ thể:

**4.1. Miễn giảm 100% học phí/toàn khoá học**

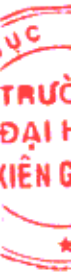
- Đối tượng: Học sinh đạt giải khuyến khích trở lên trong các Kỳ thi quốc gia hoặc quốc tế; Học sinh đạt từ giải 3 trở lên thuộc một trong các Kỳ thi cấp tỉnh; Lưu học sinh quốc tế đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Số lượng: tối đa 20 sinh viên.

**4.2. Miễn giảm 50% học phí/toàn khoá học**

- Đối tượng: Học sinh có kết quả học tập liên tục trong 3 năm học THPT có học lực xếp loại giỏi trở lên và hạnh kiểm xếp loại tốt (Số lượng: học sinh được xét hỗ trợ là 01 suất cho mỗi trường THPT thuộc tỉnh Kiên Giang; 20 suất cho THPT ở tỉnh Hậu Giang và tỉnh Cà Mau); Học sinh đạt từ giải 3 trở lên trong cuộc thi Khoa học, Kỹ thuật cấp tỉnh.

- Số lượng: tối đa 75 sinh viên.



A small, handwritten signature or mark is located at the bottom right corner of the page.

**4.3. Miễn giảm 100% học phí ở học kỳ đầu tiên năm học 2024 - 2025**

- Đối tượng: Học sinh đăng ký vào học các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (trừ các học sinh thuộc mục 4.1 và 4.2 nêu trên).

- Số lượng: tối đa 200 sinh viên.

**4.4. Miễn giảm 10% học phí năm học 2024 - 2025**

- Đối tượng: áp dụng đối với sinh viên đang học các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại Trường Đại học Kiên Giang các khóa 7, 8, 9.

**Lưu ý:**

- Chính sách giảm học phí không áp dụng đối với các học phần học lại, học phần ngoài khung và học phần học bổ sung kiến thức.

- Danh sách 6 ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại Trường Đại học Kiên Giang, cụ thể:

- 1) Kinh doanh nông nghiệp.
- 2) Nuôi trồng thủy sản.
- 3) Khoa học cây trồng.
- 4) Công nghệ kỹ thuật môi trường.
- 5) Chăn nuôi.
- 6) Quản lý Tài nguyên môi trường.

